TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2020/QĐST-DS	*Bắc Kạn, ngày 04 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦACÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, 213, 217, 218của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28/7/2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-DS ngày 18/5/2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụán là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạođức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Ngô Xuân T**

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

2. Bị đơn: Ông **Lộc Văn C**

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Dương Thị S**

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

3.2. Anh **Lộc Văn L**

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

3.3. **Ủy ban nhân dân huyện C.** Người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Văn H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Bắc Kạn

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Đối với tranh chấp về ranh giới giữa đất vườn của ông Ngô Xuân T và ông Lộc Văn C. Xác định ranh giới giữa hai thửa đất số 56, tờ bản đồ số 59 mang tên ông

Ngô Xuân T, bà Dương Thị S và thửa đất số 60, tờ bản đồ số 60của ông Lộc Văn C, bà Lã Thị T có chiều dài là 13,8m, kéo dài từ điểm A đến điểm B.

Cụ thể: Điểm A được xác định là điểm cách cây Vông 80cm; cách tường nhà anh Lộc Văn L là 10,6m; cách mép đỉnh bờ ruộng của ông Lộc Văn C là 18,95m.

Điểm B được xác định là điểm cách điểm A khoảng cách là 13,8m; cách mép ngoài đỉnh bờ ruộng của ông C là 20,7m (Có sơ đồ kèm theo Quyết định)

Trên đất không có tài sản.

2.2. Đối với yêu cầu tranh chấp phần diện tích đất hiện nay có nhà vệ sinh của anh Lộc Văn L. Nguyên đơn ông Ngô Xuân T không yêu cầu giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lộc Văn L có đơn xin rút yêu cầu độc lập giải quyết đối với diện tích trên. Các đương sự khác đồng ý với việc rút đơn của anh Lộc Văn L.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lộc Văn L. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu này.

2.3. Về án phí:

- Nguyên đơn ông Ngô Xuân T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ngô Xuân T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìnđồng) ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07801 ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Chi cục Thi hànhán dân sự huyện C. Ông Ngô Xuân T được trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lộc Văn L được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu số 02024 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Xác nhận ông Ngô Xuân T đã nộp đủ số tiền trên theo giấy biên nhận ngày 02/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C. Ông Ngô Xuân T và ông Lộc Văn C thống nhất mỗi bên chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Cụ thể:

Ông Ngô Xuân T tự nguyện chịu số tiền 2.000.000^{đ} (*Hai triệu đồng*) và ông Lộc Văn C tự nguyện chịu số tiền 2.000.000^{đ} (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông C có trách nhiệm thanh toán cho ông Ngô Xuân T số tiền 2.000.000^{đ} (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định kể từ thời điểm quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định nàyđược thi hành theo quy định tạiĐiều 2 Luật Thi hànhán dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- TAND cấp cao
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hường